

Bản án số: 06/2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 07-3-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Chí Công;

Ông Nguyễn Phát Triển.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10/12/2018, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1969. (có mặt); *Địa chỉ:* A51, ấp T P, xã T B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1970. (vắng mặt); *Địa chỉ:* 195B/TL, ấp T L, xã H T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Vào năm 1989 Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Hữu Đ tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, do không hiểu biết về pháp luật. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, thương xuyên cự cãi, anh Đ thường xuyên uống rượu, không lo lắng cho gia đình. Vợ chồng ly thân khoảng 05 năm nay. Nay Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Hữu Đ. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết L, sinh ngày: 01/7/1990 và Nguyễn Văn T, sinh ngày: 25/7/1994; 02 con đã trưởng thành nên Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về T sản chung Nguyễn Thị Ngọc H không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung Nguyễn Thị Ngọc H trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Hữu Đ sống chung như vợ chồng từ năm 1990 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, pháp luật không công nhận là vợ chồng, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

*“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

*“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, T sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Đối chiếu khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

*“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....”.*

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết L, sinh ngày: 01/7/1990 và Nguyễn Văn T, sinh ngày: 25/7/1994; 02 con đã trưởng thành nên Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết

[3] Về T sản chung: Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Hữu Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử cần nên xét xử vắng mặt

đối với anh Nguyễn Hữu Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 228; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Hữu Đ là vợ chồng.

2. Về án phí và tạm ứng án phí: Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002557, ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/3/2019). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Đã ký

**Huỳnh Thị Bích Huyền**